

Số: 165 /BC-UBND

Quảng Điền, ngày 14 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Về tổng quyết toán thu chi ngân sách năm 2021; tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

Phần thứ I

Quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021

Tại kỳ họp lần thứ 3 của HĐND huyện khoá XI ngày 17/12/2021, UBND huyện đã trình bày cụ thể tình hình thực hiện công tác tài chính, ngân sách và báo cáo tổng hợp ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2021. Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tại kỳ họp này, UBND huyện xin báo cáo chi tiết về thực hiện dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2021 và đề nghị HĐND huyện xem xét phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách niên độ 2021, cụ thể như sau:

I. Tổng quyết toán thu chi ngân sách năm 2021

1. Thu ngân sách các cấp chính quyền địa phương (bao gồm các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang, thu kết dư theo quy định của pháp luật):

- Thu ngân sách huyện: 599.757.567.991 đồng.
- Thu ngân sách cấp xã: 260.650.736.458 đồng.

2. Chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương (bao gồm chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương, kể cả chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách, chuyển nguồn ngân sách):

- Chi ngân sách huyện: 599.454.630.378 đồng.
- Chi ngân sách cấp xã: 260.650.736.458 đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương (mục 1-2):

Kết dư ngân sách địa phương: 302.937.613 đồng.

Trong đó:

- Kết dư ngân sách huyện: 302.937.613 đồng.
- Kết dư ngân sách cấp xã: 0 đồng.

II. Thuyết minh tổng quyết toán thu chi ngân sách năm 2021

Năm 2021, là năm cuối kéo dài của thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020, năm đầu tiên thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và kế

hoạch 5 năm 2021 - 2025. Do tình hình dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng của lũ lụt những tháng cuối năm 2020 nên tình hình kinh tế - xã hội của huyện có phần chững lại.

Thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện về điều hành dự toán ngân sách năm 2021, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành có liên quan tích cực triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách và đã đạt được những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, có một số mặt không thuận lợi do tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tình hình thời tiết có nhiều diễn biến tương đối phức tạp đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và hoạt động kinh doanh trên địa bàn.

Dự toán thu chi ngân sách năm 2021 nhìn chung vượt kế hoạch tỉnh giao và Nghị quyết của HĐND huyện.

1. Thu ngân sách: Đạt 184% tỉnh giao, bằng 140% Nghị quyết HĐND huyện. Xét theo kết cấu nguồn thì phần lớn là thu bổ sung từ ngân sách cấp trên và một phần thu từ tiền đất. Trong đó, tăng thu chủ yếu là bổ sung hỗ trợ các chính sách, chế độ, an sinh xã hội, hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn trong dịch bệnh Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai bão lụt, các dự án, chương trình mục tiêu Quốc gia,...

Thu nội địa đạt 370% so với dự toán tỉnh và bằng 230% so với HĐND huyện giao. Nguồn thu này, thu tăng chủ yếu các khoản thu từ đất như: tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền sử dụng đất vượt khá so với kế hoạch tỉnh và đạt 278% so với dự toán HĐND huyện giao, thu ngoài quốc doanh đạt 114%, thuế thu nhập cá nhân vượt 192%. Tuy vậy, vẫn còn một số loại thu không đạt và đạt thấp, như: thu khác ngân sách đạt 87% (riêng thu khác của huyện đạt 24%), thu phí, lệ phí đạt 32%.

2. Chi ngân sách: Năm 2021, mặc dù số thu tuyệt đối ngân sách địa phương tương đối nhỏ, song được sự quan tâm của tỉnh về trợ cấp bổ sung kịp thời nên đã chỉ đạt 143% dự toán năm 2021 và bằng 102% so với thực hiện năm 2020, cụ thể như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: Chủ yếu tập trung đầu tư cho kiến thiết thị chính; xây dựng các công trình hạ tầng của huyện từ nguồn tiền đất vượt thu năm 2020; hỗ trợ thanh toán nợ xây dựng nông thôn mới cho một số xã về đích năm 2020; hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới nâng cao kết hợp chỉnh trang các khu trung tâm xã, tiếp tục mua xi măng thực hiện bê tông hóa đường nội thôn, kiên cố hóa kênh mương, tiếp tục giải phóng mặt bằng các công trình theo quy hoạch trên địa bàn của huyện, xây dựng và hỗ trợ một số tuyến giao thông, thủy lợi trên địa bàn, xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh của huyện, đối ứng Chương trình xây dựng nhà vệ sinh trường học, xây dựng khu vực phòng thủ huấn huyện tập trung của huyện.

b) Chi thường xuyên: Đạt 112% so với dự toán giao năm 2021 và thực hiện năm 2020, cụ thể như sau:

- Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường đạt 187% so với dự toán giao trong năm. Đây là khoản chi khá quan trọng nhằm đảm bảo các hoạt động cho khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, hỗ trợ giống cây ăn quả phát triển kinh tế vườn, các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hỗ trợ thúc đẩy tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng vùng an toàn dịch, phòng chống dịch súc vật, gia cầm,... Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các mô hình về khoa học công nghệ trên địa bàn, lắp đặt đèn tín hiệu giao thông, thực hiện các dịch vụ công ích trên địa bàn.

- Chi sự nghiệp văn xã đạt 109%. Tập trung vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo, đảm bảo xã hội; chi trợ cấp Tết cho các gia đình chính sách; thực hiện các chính sách mới của Chính phủ về an sinh xã hội trên địa bàn; mua sắm trang thiết bị cho công tác cải cách hành chính của huyện, xã.

- Chi quản lý hành chính đạt 104% so với dự toán ngân sách huyện giao. Các khoản chi hành chính hầu hết đều đạt và vượt dự toán được giao. Nguyên nhân tăng do bổ sung kinh phí cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; tăng kinh phí một số chính sách, chế độ, bổ sung thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất. Tuy vậy, ở lĩnh vực này mới đáp ứng nhu cầu chi tối thiểu, nhiều khoản chi về mua sắm, sửa chữa công sở do ngân sách khó khăn nên chưa bố trí kinh phí so với nhiệm vụ đặt ra.

- Chi lĩnh vực an ninh - quốc phòng địa phương đạt 321%. Nhìn chung, việc thực hiện vượt dự toán chi cả năm chủ yếu do tập trung chi diễn tập khu vực phòng thủ huyện, diễn tập chiến đấu cấp xã, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, chi hỗ trợ tuyển quân, thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo mật, sẵn sàng chiến đấu, kiểm tra điểm các đơn vị dự bị động viên, công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ trang, đảm bảo quốc phòng - an ninh địa phương và tăng cường công tác pháp chế trên địa bàn.

- Chi bổ sung ngân sách cấp xã đạt 187%. Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn thuộc chương trình nông thôn mới, hỗ trợ các địa phương kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, hỗ trợ về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, hỗ trợ nhà ở cho người có công, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai,... các chế độ, chính sách bổ sung trong năm.

- Chi khác ngân sách, hỗ trợ hoạt động phát sinh ngoài dự toán cho các đơn vị có liên quan,... Riêng 10% tiết kiệm chi thường xuyên được cân đối vào nguồn cải cách tiền lương. Chi dự phòng ngân sách tập trung hỗ trợ phục vụ tiếp nhận công dân điều trị Covid-19 không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ tại các khu cách ly của huyện, xã và hỗ trợ tổ y tế lưu động; chi hỗ trợ dịch bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò và thực hiện một số nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Phần thứ II

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ tài chính, ngân sách 6 tháng cuối năm 2022

A. Tình hình thực hiện thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022

Năm 2022 là năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và kế hoạch 5 năm 2021-2025, và là năm đầu tiên của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. 6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế của huyện có phần tăng nhưng chậm, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên năng lực sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hoá của các ngành kinh tế có tăng nhưng rất ít. Bên cạnh đó, do thời tiết thay đổi thất thường trong giai đoạn đầu năm làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản, đời sống của Nhân dân và sức mua của thị trường giảm sút. Tuy nhiên, các hoạt động văn hóa xã hội, y tế, giáo dục ổn định, an ninh, quốc phòng được giữ vững.

Tình hình ngân sách tuy còn gặp nhiều khó khăn do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, song đã đạt được những kết quả nhất định.

I. Thu chi ngân sách huyện

1. Thu ngân sách

Tổng hợp tình hình ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 (đến ngày 30/6/2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nội dung thu	Dự toán huyện giao 2022	Tình hình thu 6 tháng đầu 2022	So sánh
Tổng thu ngân sách	697.601	435.076	62,4%
I. Thu nội địa	256.003	173.863	68%
1. Thu ngoài quốc doanh	22.000	12.524	57%
2. Thuế thu nhập cá nhân	5.500	7.924	144%
3. Tiền sử dụng đất	211.903	142.024	67%
4. Thuế SDĐ phi nông nghiệp	50	3	6%
5. Tiền thuê đất	350	339	97%
6. Phí trước bạ	8.000	7.909	99%
7. Thu phí và lệ phí	3.500	1.222	35%
8. Thu khác ngân sách	3.700	1.498	40,5%
9. Thu thường xuyên của xã	1.000	421	42%
II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	413.194	232.809	56%
III. Tiền sử dụng đất vượt thu 2021 (Chuyển nguồn)	28.404	28.404	100%

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt hơn 435 tỷ triệu đồng, đạt 62,4% so dự toán huyện giao và bằng 93% so với dự toán tỉnh giao. Trong đó thu nội địa gần 177 tỷ đồng, đạt 68% so với dự toán ngân sách huyện giao.

- Thu ngoài quốc doanh đạt 57% so với dự toán ngân sách huyện và kế hoạch tỉnh giao. Tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp khó khăn, tuy nhiên tình hình thu đạt khá so với kế hoạch giữa năm.

- Các loại thu nội địa trong kết cấu thu đều đạt và vượt so với 6 tháng đầu năm. Riêng tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu khác ngân sách, phí và lệ phí đạt thấp so với dự toán giữa năm.

- Tóm lại, 6 tháng đầu năm 2022, với sự quyết liệt của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, ngành Thuế và các ngành liên quan đã chỉ đạo triển khai thực hiện nên số thu vào ngân sách so với kế hoạch vượt dự toán giữa năm. Tuy nhiên, còn một số khoản thu thuộc phần ngân sách địa phương được hưởng cần được quan tâm để phân đầu hoàn thành nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm 2022.

2. Chi ngân sách

Tổng hợp tình hình ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nội dung chi	Dự toán chi NS năm 2022	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh
Tổng chi ngân sách huyện	554.100	295.915	53%
1. Chi đầu tư phát triển	161.118	72.145	53%
2. Sự nghiệp kinh tế	18.711	10.285	48%
3. Sự nghiệp môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước	5.817	3.260	56%
4. Tiền sử dụng đất mang tính chất sự nghiệp	13.828	7.650	55%
5. Chi hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng	1.240	560	45%
6. Sự nghiệp văn xã	259.886	152.800	59%
7. Chi sự nghiệp khác	2.295	1.263	55%
8. Quản lý hành chính	38.260	20.136	53%
9. Quốc phòng-an ninh	2.683	1.583	61%
10. Chi khác	685	288	42%
11. Dự phòng ngân sách	5.965	2.045	34%
12. Bổ sung ngân sách xã	43.612	23.900	55%

- Chi ngân sách đến 30/6/2022 gần 296 tỷ đồng, đạt 53% so với dự toán ngân sách huyện và kế hoạch tỉnh giao. Số chi chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi đầu

tư phát triển (bao gồm chi Chương trình mục tiêu Quốc gia), sự nghiệp văn xã và bổ sung ngân sách cấp xã, cụ thể như sau:

- Về chi thường xuyên, tập trung phần lớn giải quyết lương, các khoản theo lương và các chính sách, chế độ mới cho các gia đình chính sách, trợ cấp xã hội, hoạt động công vụ, chi ngân sách xã. Đảm bảo chi Quốc phòng, an ninh địa phương theo kế hoạch, sự nghiệp văn hoá - thông tin - thể dục thể thao (bao gồm Đại hội thể dục thể thao), chi tổ chức Lễ công bố huyện Quảng Điền đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, Lễ hội Sóng nước Tam Giang năm 2022.

- Riêng về chi dự phòng ngân sách đạt 34%. Tập trung chủ yếu kinh phí cho phòng chống dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò và một số nhiệm vụ phát sinh trên lĩnh vực quốc phòng, quân sự địa phương.

- Nhìn chung, 6 tháng đầu năm tập trung phần lớn cho chi thường xuyên nhằm đảm bảo hoạt động bình thường của huyện, xã. Đặc biệt chi cho kiến thiết thị chính như: thanh toán nợ khối lượng các công trình thuộc năm trước, mua xi măng hỗ trợ giao thông nông thôn, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên địa bàn huyện và các công trình chuyên tiếp.

II. Công tác quản lý tài chính và triển khai thực hiện các chính sách theo Luật

1. UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện công tác quyết toán thu, chi ngân sách của huyện năm 2021, tổ chức thẩm định quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thẩm định quyết toán tài chính, ngân sách các xã, thị trấn năm 2021.

2. Công tác lập dự toán, phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị thuộc huyện cũng như giao dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn năm 2022, thực hiện đúng theo tinh thần của Luật Ngân sách nhà nước quy định nhằm tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị sắp xếp, bố trí kế hoạch thực hiện trong năm. Đồng thời, tất cả các đơn vị dự toán thuộc huyện đã giao thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ và đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tiếp tục thực hiện giải pháp điều hành chi ngân sách phù hợp với khả năng, điều kiện thu ngân sách huyện năm 2022 trên địa bàn.

4. Tiếp tục thực hiện bồi thường thiệt hại và hỗ trợ tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng các tuyến giao thông, thủy lợi của huyện, các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn,... theo kế hoạch và dự toán đã bố trí đầu năm.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác quyết toán các công trình, dự án hoàn thành thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia, kết cấu hạ tầng nông thôn.

III. Công tác quản lý ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022

1. Tổng hợp ước thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 6 tháng	So sánh
A. Về thu ngân sách			
Tổng thu	121.640	73.848	61%
1. Thu cố định tại xã	3.700	1.745	47%
- Thu quỹ đất công ích và HLCS	1.000	421	42%
- Thu phí và lệ phí	1.200	642	54%
- Thu khác	1.500	682	45%
2. Thu các khoản phân chia	74.328	52.065	70%
3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	43.612	20.038	46%
B. Về chi ngân sách			
Tổng chi	121.640	62.798	52%
1. Chi đầu tư phát triển	67.220	34.500	51%
Chi từ nguồn tiền SDD	67.220	34.500	
2. Chi thường xuyên	52.835	27.472	52%
- Chi sự nghiệp kinh tế	770	415	54%
- Chi sự nghiệp văn xã	2.746	1.460	53%
- Chi quản lý hành chính	43.489	22.620	52%
- Chi quốc phòng – an ninh	5.571	2.850	51%
- Chi khác	259	127	49%
3. Dự phòng ngân sách	1.585	826	52%

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022

a) Thu ngân sách xã, thị trấn đạt 61% dự toán giao; trong đó, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ, thu khác, phí và lệ phí đạt và vượt kế hoạch giữa năm. Riêng thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản và thu khác chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Nhìn chung, các loại thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm đạt khá so với dự toán giao. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thời tiết biến đổi thất thường nên một số khoản thu tại đơn vị chưa đạt so với dự toán.

b) Ước chi ngân sách đạt 52% dự toán cả năm. Kết cấu các loại chi đạt kế hoạch 6 tháng. Đặc biệt chi đầu tư phát triển, sự nghiệp kinh tế giải ngân tương đối cao so với cùng kỳ năm trước.

c) Công tác quản lý và chấp hành ngân sách nhà nước

Việc điều hành ngân sách theo chế độ, định mức và công tác kế toán thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước. Hầu hết, các xã, thị trấn bám định mức chi, chi trong dự toán được duyệt, xây dựng định mức chi tiêu hành chính cụ thể nên đã chủ động trong việc điều hành chi ngân sách và thực

hành tiết kiệm.

B. Một số biện pháp cơ bản để thực hiện đảm bảo dự toán thu, chi ngân sách và nhiệm vụ tài chính còn lại năm 2022

I. Về thu ngân sách

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 09/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Động viên, khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế phát triển, hình thành các tổ chức kinh tế, bồi dưỡng các nguồn thu từ sự tăng trưởng của các ngành dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trên địa bàn nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, tiêu thụ hàng hóa nội địa, phục hồi và tăng năng lực sản xuất, tăng sản phẩm xã hội và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách.

2. Kết hợp, lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình, đơn đốc công tác quy hoạch khu dân cư mới, các khu đất xen kẽ và trình giá đất tối thiểu để tỉnh phê duyệt, lập các phương án và tiến độ thu từ nguồn tiền sử dụng đất nhằm đẩy nhanh công tác thu tiền sử dụng đất trên địa bàn vào cuối năm và cho năm tiếp theo, giải quyết vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đối ứng một số công trình đầu tư xây dựng cơ bản từ cấp trên cho các xã và trên địa bàn huyện.

3. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế và trong nước, nguồn vốn tín dụng ưu đãi, các dự án nhỏ tạo nguồn lực tài chính để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của Nhân dân.

II. Về chi ngân sách

1. Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2022. Thực hiện quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách đã được giao trong dự toán, đảm bảo chi đúng mục đích, đúng đối tượng, quán triệt tinh thần tiết kiệm chi, nhất là trong chi tiêu thường xuyên.

UBND huyện đã chủ động xây dựng phương án điều hành chi ngân sách, rà soát nguồn thu. Trong đó xác định cụ thể các nhiệm vụ cần ưu tiên đảm bảo kinh phí theo dự toán đầu năm, các nhiệm vụ cần sắp xếp cắt giảm để phù hợp với khả năng thu ngân sách.

2. Thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, xây dựng phương án sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2022 và các nguồn khác (nếu có), ưu tiên dành

nguồn lực phục vụ các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đột xuất khác; rà soát, cắt giảm một số kinh phí không cần thiết như: lễ hội, hội nghị, hội thảo, khánh tiết,... theo tinh thần tại Thông báo số 253/TB-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh.

3. Tiếp tục thực hiện khoán chi hành chính, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công theo tinh thần Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc Luật Quản lý và sử dụng tài sản công; Pháp lệnh tiết kiệm và chống lãng phí, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của UBND tỉnh. Bố trí các khoản chi phát sinh đột xuất trong phạm vi kinh phí theo dự toán được giao.

4. Trên cơ sở nguồn thu thực hiện trong năm, rà soát tất cả các khoản chi đã bố trí đầu năm, nhất là chi cho đầu tư phát triển, chương trình mục tiêu, sự nghiệp kinh tế để điều hoà vốn hợp lý, góp phần tăng cường cơ sở hạ tầng và hoàn thành Nghị quyết của HĐND huyện đã đề ra.

5. Quản lý chặt chẽ các nguồn đóng góp như: nguồn thu từ các cơ sở giáo dục công lập, các loại quỹ đóng góp theo quy định của Nhà nước.

6. Chỉ đạo các ngành có liên quan phối hợp, tăng cường công tác hướng dẫn, quản lý tài chính - ngân sách cấp xã. Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ hoạt động thu, chi ngân sách, sử dụng vốn đầu tư, vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia, mục tiêu của tỉnh nhằm kịp thời khắc phục những biểu hiện sai trái trong hoạt động quản lý ngân sách ở một số địa phương.

III. Triển khai thực hiện nhiệm vụ tài chính theo Luật Ngân sách nhà nước

1. Khắc phục tồn tại và hạn chế quá trình chấp hành và quyết toán ngân sách, chế độ tài chính và hạch toán kế toán, chế độ báo cáo tài chính ngân sách nhằm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tiếp tục bám sát dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 để chuẩn bị tốt cho việc lập dự toán ngân sách huyện, xã năm 2023 vào đầu tháng 8/2022 nhằm tạo sự thuận lợi cho khởi đầu của một thời kỳ ổn định ngân sách trong giai đoạn mới.

3. Tăng cường và làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra nhằm không ngừng đưa công tác tài chính, kế toán đi vào nề nếp. Ngăn ngừa, uốn nắn các biểu hiện sai lệch trong quản lý tài chính, ngân sách và kinh tế - xã hội có liên quan ở một số địa phương, đơn vị. Đẩy mạnh công tác hạch toán kế toán ngân sách xã theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Thường xuyên củng cố và bồi dưỡng, nâng cao năng lực trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính từ huyện đến xã, quan tâm đào tạo cán bộ làm công tác tài chính kế toán các đơn vị.

5. Thực hiện công khai hóa về quản lý các khoản thu, chi ngân sách từ

huyện đến xã, các ngành đơn vị dự toán theo quy định của Nhà nước nhằm tăng cường vai trò giám sát của cán bộ, công chức và Nhân dân theo quy chế dân chủ ở từng đơn vị cơ sở.

Trên đây là Báo cáo tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022; một số biện pháp cơ bản để thực hiện tốt nhiệm vụ tài chính, ngân sách 6 tháng cuối năm; UBND huyện báo cáo để HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TV Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP+CV;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Bảo

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 165 /BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022
của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 1: Quyết toán thu ngân sách nhà nước huyện Quảng Điền năm 2021

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung thu	Thực hiện ngân sách huyện năm 2020	Dự toán giao đầu năm 2021	Quyết toán thu ngân sách năm 2021			So sánh ngân sách huyện	
			Thu ngân sách nhà nước các cấp chính quyền địa phương	Trong đó		TH 2020	DT 2021
				Ngân sách huyện	Ngân sách cấp xã		
A	1	2	3	3a	3b	5=3/1	6=3/2
Tổng thu ngân sách nhà nước	679.616.975.604	463.945.000.000	753.111.220.292	599.757.567.991	260.650.736.458	111%	140%
Số thu ngân sách đề nghị quyết toán				599.757.567.991			
I. Thu nội địa	146.422.057.027	123.000.000.000	282.887.472.613	130.712.973.986	152.174.498.627	193%	230%
1. Thuế khu vực quốc doanh	106.602.440	0	119.383.600	100.412.000	18.971.600	112%	
2. Thuế khu vực ngoài quốc doanh	23.426.162.377	21.000.000.000	23.905.466.771	21.718.732.644	2.186.734.127	102%	114%
3. Phí trước bạ	8.325.109.058	7.000.000.000	11.101.956.097	8.050.674.204	3.051.281.893	133%	159%
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	92.934.498	50.000.000	94.522.437	0	94.522.437	102%	189%
5. Phí và lệ phí	1.291.691.344	3.800.000.000	1.207.373.782	318.169.782	889.204.000	93%	32%
Trong đó: Phí và lệ phí trung ương và tỉnh		1.300.000.000	5.000.000	5.000.000			
Phí và lệ phí huyện	359.774.300	1.460.000.000	661.869.782	313.169.782	348.700.000	184%	45%
Phí và lệ phí xã	931.917.044	1.040.000.000	540.504.000		540.504.000	58%	52%
6. Thuế thu nhập cá nhân	4.103.534.500	3.000.000.000	8.762.406.915	2.247.640.307	6.514.766.608	214%	292%

7. Tiền sử dụng đất	103.727.140.288	84.000.000.000	233.455.512.138	97.805.616.205	135.649.895.933	225%	278%
8. Tiền thuê đất	394.225.232	350.000.000	349.858.727	157.670.979	192.187.748	89%	100%
9. Thu cố định tại xã	1.722.500.688	1.000.000.000	1.388.461.177	0	1.388.461.177	81%	139%
10. Thu khác của ngân sách	2.187.254.502	2.800.000.000	2.444.989.969	314.057.865	2.130.932.104	112%	87%
Trong đó: Thu khác ngân sách trung ương và tỉnh		300.000.000			0		
Thu khác ngân sách huyện	167.491.420	1.300.000.000	314.057.865	314.057.865		188%	24%
Thu khác ngân sách xã	2.019.763.082	1.200.000.000	2.130.932.104		2.130.932.104	106%	178%
11. Thu sự nghiệp huyện	0						
12. Thu hồi các khoản chi năm trước	0						
13. Thuế bảo vệ môi trường	903.100		0			0%	
14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					0		
15. Thu từ tài sản, thu hồi vốn của nhà nước,...	1.043.999.000		57.541.000		57.541.000	6%	
II. Tạo nguồn cải cách tiền lương từ việc huy động 10% tiết kiệm chi thường xuyên và 40% thu từ sự nghiệp giáo dục công lập	0	6.673.000.000			0		
III. Thu kết dư ngân sách năm trước	480.693.292		556.665.734	543.073.734	13.592.000		
IV. Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	95.001.535.285	7.533.000.000	103.486.825.945	73.959.629.915	29.527.196.030		
V. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	421.836.460.000	327.739.000.000	366.180.256.000	366.180.256.000	78.935.449.801	87%	112%
1. Bổ sung cân đối	229.319.000.000	229.319.000.000	229.319.000.000	229.319.000.000	30.279.000.000		
2. Bổ sung có mục tiêu	192.517.460.000	98.420.000.000	136.861.256.000	136.861.256.000	48.656.449.801		
VI. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	15.876.230.000	0		28.361.634.356	0		

Phụ lục 2:
Quyết toán chi ngân sách huyện Quảng Điền năm 2021

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung chi	Quyết toán chi ngân sách cấp huyện 2020	Dự toán năm 2021 (đã trừ tiết kiệm và huy động 40% học phí để CCTL)	Quyết toán chi ngân sách huyện năm 2021	Trong đó:		So sánh	
				Quyết toán chi ngân cấp huyện	Chi ngân sách cấp xã	Thực hiện 2020	Dự toán 2021
1	2	3	4	4a	4b	5=4a/2	6=4a/3
Tổng chi ngân sách huyện (A+B+C)	586.208.393.675	417.962.000.000	752.808.282.679	599.454.630.378	260.650.736.458	102%	143%
Số chi ngân sách huyện đề nghị quyết toán	512.248.763.760			599.454.630.378			
A. Chi ngân sách huyện (chưa tính huy động cải cách tiền lương)	512.248.763.760	412.272.200.000	554.609.471.186	498.584.858.578	163.321.696.765	97%	121%
I. Chi đầu tư phát triển, trong đó:	129.248.802.950	68.469.000.000	129.020.789.400	80.385.756.700	48.635.032.700	62%	117%
Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	53.667.236.800	50.810.000.000	105.476.672.700	56.841.640.000	48.635.032.700	106%	112%
Chi theo CTMT, kiến thiết tỉnh	75.581.566.150	17.659.000.000	23.544.116.700	23.544.116.700		31%	133%
II. Chi thường xuyên	301.661.027.810	301.307.200.000	425.029.082.496	338.704.052.787	86.325.029.709	112%	112%
1. Chi sự nghiệp kinh tế, KHCN, MT	22.872.784.913	14.801.600.000	40.117.830.813	27.682.407.113	12.435.423.700	121%	187%
1.1. Sự nghiệp kinh tế	19.398.732.461	10.643.600.000	34.750.114.973	22.742.926.273	12.007.188.700	117%	113%
1.2. Sự nghiệp ứng dụng, chuyển giao KHCN	193.055.000	198.000.000	148.000.000	148.000.000		77%	0%
1.3. Sự nghiệp môi trường và đề án xử lý rác thải, thoát nước	3.280.997.452	3.960.000.000	5.219.715.840	4.791.480.840	428.235.000	146%	11%
2. Chi sự nghiệp văn xã	227.718.302.614	233.829.300.000	264.884.763.671	254.529.383.806	10.355.379.865	112%	109%
2.1. Sự nghiệp giáo dục	176.823.718.264	189.381.800.000	196.803.412.451	196.803.412.451			

2.2. Sự nghiệp đào tạo	7.795.689.000	981.200.000	8.848.568.569	7.877.797.378	970.771.191		
2.3. Sự nghiệp Văn hóa - TT, đài TT	3.280.282.000	4.718.300.000	5.193.299.000	2.341.481.000	2.851.818.000		
2.4. Thi đua khen thưởng	405.000.000	405.000.000	405.000.000	405.000.000			
2.5. Đảm bảo xã hội	38.075.896.350	34.873.000.000	49.934.483.651	44.613.102.650	5.321.381.001		
2.6. Các ngày lễ lớn	500.000.000	270.000.000	500.000.000	500.000.000			
2.7. Dự trữ hàng lũ lụt	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000			
2.8. Sự nghiệp Văn xã khác	737.717.000	3.100.000.000	3.100.000.000	1.888.590.327	1.211.409.673		
3. Chi quản lý hành chính	35.605.151.483	32.844.100.000	90.510.155.008	34.080.609.868	56.429.545.140	96%	104%
3.1. Khối Đảng	9.401.533.000	7.290.400.000	7.503.972.000	7.503.972.000			
3.2. Khối Đoàn thể - Mặt trận	3.939.800.493	3.201.400.000	4.048.986.000	4.048.986.000			
3.3. Hoạt động HĐND huyện	1.024.000.000	1.179.000.000	1.179.000.000	1.179.000.000			
3.4. Hoạt động UBND huyện	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000			
3.5. Khối quản lý nhà nước	20.339.817.990	19.423.300.000	19.507.451.868	19.507.451.868			
3.6. Bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp		850.000.000	2.624.000.000	941.200.000	1.682.800.000		
4. Chi lĩnh vực nội chính	1.858.100.000	1.472.800.000	11.314.857.204	4.729.993.000	6.584.864.204	255%	321%
4.1. Quốc phòng	1.378.200.000	1.057.000.000	8.554.301.816	4.142.350.000	4.411.951.816		
4.2. An ninh	439.400.000	369.000.000	2.713.755.388	540.843.000	2.172.912.388		
4.3. Tăng cường pháp chế	40.500.000	46.800.000	46.800.000	46.800.000			
5. Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội	1.292.134.800	951.400.000	1.640.408.800	1.120.592.000	519.816.800	87%	118%
5.1. Hội Chữ thập đỏ	232.302.000	286.400.000	232.302.000	232.302.000			
5.2. Hội Người tù yêu nước	78.000.000	53.000.000	78.000.000	78.000.000			

5.3. Hội Người mù	216.000.000	98.000.000	98.000.000	98.000.000			
5.4. Hội Khuyến học	94.000.000	80.000.000	94.000.000	94.000.000			
5.5. Y tế	432.332.800	216.000.000	898.606.800	378.790.000	519.816.800		
5.6. Hội Người cao tuổi	33.500.000	47.000.000	33.500.000	33.500.000			
5.7. Hội Giáo chức huyện	38.500.000	13.500.000	38.500.000	38.500.000			
5.8. Hội Đông y huyện	23.500.000	14.500.000	23.500.000	23.500.000			
5.9. Hỗ trợ truyền thông dân số	27.000.000	27.000.000	27.000.000	27.000.000			
5.10. Hội cựu TNXP huyện	53.000.000	53.000.000	53.000.000	53.000.000			
5.11. Hội Người khuyết tật	13.500.000	13.500.000	13.500.000	13.500.000			
5.12. Hội Nạn nhân chất độc da cam	20.000.000	18.000.000	20.000.000	20.000.000			
5.13. Hội Luật gia huyện	12.500.000	13.500.000	12.500.000	12.500.000			
5.14. Hỗ trợ Chi cục Thống kê huyện (bao gồm niên giám)	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000			
6. Chi khác	1.631.000.000	933.000.000	1.511.000.000	1.511.000.000		93%	162%
6.1. Hỗ trợ Đồn Biên phòng, K8, K10	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000			
6.2. Kinh phí công tác hòa giải cơ sở	45.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000			
6.3. Chi từ nguồn thu khác, đột xuất	438.000.000	460.000.000	438.000.000	438.000.000			
6.4. Kinh phí triển khai ứng dụng phần mềm quản lý nhà nước trên địa bàn của huyện	500.000.000	380.000.000	380.000.000	380.000.000			
6.5. Kinh phí tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000			
6.6. Quỹ hỗ trợ Hội Nông dân	100.000.000		100.000.000	100.000.000			

6.7. Kinh phí hỗ trợ việc làm cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện	500.000.000		500.000.000	500.000.000			
7. Dự bị phí	443.385.000	5.613.000.000	4.856.387.000	4.856.387.000		1095%	87%
7.1. Chi cho an ninh, quốc phòng	132.000.000		2.612.430.000	2.612.430.000			
Chi công tác phòng, chống dịch Covid-19			1.900.030.000	1.900.030.000			
Chi hoạt động quốc phòng, an ninh	132.000.000		712.400.000	712.400.000			
7.2. Sự nghiệp môi trường							
7.3. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.675.000		7.765.000	7.765.000			
Bổ sung kinh phí đào tạo năm 2021	1.675.000			7.765.000			
7.4. Chi cho sự nghiệp kinh tế	0		393.245.000	393.245.000			
Kinh phí triển khai các biện pháp ngăn chặn, phòng chống dịch bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò			107.350.000	107.350.000			
Bổ sung kinh phí thanh toán hoạt động dịch vụ công ích năm 2021			285.895.000	285.895.000			
7.5. Chi cho sự nghiệp y tế	40.000.000		701.190.000	701.190.000			
Phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid-19	40.000.000		701.190.000	701.190.000			
7.6. Chi cho VH TT	0		72.000.000	72.000.000			
Kinh phí phối hợp thực hiện trang truyền hình địa phương trên sóng Đài phát thanh và truyền hình tỉnh năm 2021			72.000.000	72.000.000			
7.7. Chi cho hoạt động quản lý hành chính:	209.710.000		1.064.857.000	1.064.857.000			
Phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid-19	47.000.000		439.511.000	439.511.000			
Chi nhiệm vụ cấp bách, đột xuất của ngành	35.627.000		469.550.000	469.550.000			

Bổ sung kinh phí phục vụ công tác tuyển dụng	61.000.000		30.000.000	30.000.000			
Kinh phí chênh lệch đổi gạo cũ sang gạo mới, bảo quản lưu kho và mua hàng hoá, vật tư dự trữ lũ lụt	26.083.000		125.796.000	125.796.000			
Hỗ trợ mua loa cầm tay phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	40.000.000						
7.8. Chi khác ngân sách	60.000.000		4.900.000	4.900.000			
Phục vụ công tác tuần tra, bắt giữ, xử lý tàu giã cào xâm hại vùng biển xã Quảng Công	30.000.000		0				
Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí thành lập mới HTX	30.000.000		0				
Hỗ trợ kinh phí học tập (BHXH)			4.900.000	4.900.000			
8. Chi bổ sung của tỉnh	10.240.169.000	10.862.000.000	10.193.680.000	10.193.680.000	0	100%	94%
8.1. Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo về tiền điện	823.170.000	1.660.000.000	765.200.000	765.200.000			
8.2. Miễn giảm thủy lợi phí	9.416.999.000	9.202.000.000	9.428.480.000	9.428.480.000			
III. Chi bổ sung ngân sách xã	74.976.104.000	42.119.000.000		78.935.449.801		105%	187%
Trong đó chi từ nguồn dự phòng	2.098.600.000			2.024.473.400			
IV. Chi nộp ngân sách cấp trên	6.362.829.000		559.599.290	559.599.290	28.361.634.356	9%	
V. Chi chuyển nguồn	73.959.629.915		198.198.811.493	100.869.771.800	97.329.039.693	136%	
VI. KP các chế độ, chính sách còn lại chưa phân bổ		377.000.000					
B. Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương		4.205.800.000					
C. Huy động 40% thu sự nghiệp giáo dục để CCTL		1.484.000.000					